

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2024
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Kiều Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm

Ông Nguyễn Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2024/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Lê Tuấn K**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 02 tháng 5 năm 2024, (vắng mặt).

- Bị đơn: **Chị Trần Hồng C**, sinh năm 1978, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/03/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Lê Tuấn K trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Chị Trần Hồng C tự nguyện chung sống với nhau với nhau từ năm 2000, có làm đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/02/2002.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi thường xuyên cãi vã với nhau do không do tính cách không hợp nên không thể trao đổi, nói chuyện hàn gắn tình cảm với nhau nên dần tình cảm vợ chồng còn. Tôi và chị C đã ly thân từ rất lâu, trong thời gian này vợ chồng tôi không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với chị C nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và Chị Trần Hồng C có 02 con chung tên Lê Yến N, sinh ngày 20/10/2001; Lê Tuấn P, sinh năm 29/01/2007, hiện nay Lê Yến N, sinh ngày 20/10/2001 đã lớn tự lo được cuộc sống của bản thân, nên tôi không yêu cầu xem xét. Tôi yêu cầu nuôi Lê Tuấn P, sinh năm 29/01/2007 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không ai nợ tiền vợ chồng tôi.

- Đối với bị đơn Chị Trần Hồng C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập chị C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị C vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Lê Tuấn K đối với Chị Trần Hồng C. Về con chung: Giao em Lê Tuấn P, sinh năm 29/01/2007 lại cho Anh K tiếp tục chăm sóc và giáo dục, Anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Tuấn K yêu cầu ly hôn với Chị Trần Hồng C, chị Cẩm cư trú tại Ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Tuấn K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Chị Trần Hồng C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Lê Tuấn K và Chị Trần Hồng C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Tuấn K yêu cầu ly hôn với Chị Trần Hồng C, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lê Tuấn K và Chị Trần Hồng C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2002 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Anh Lê Tuấn K và Chị Trần Hồng C phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị C tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị C vắng mặt không có lý do thể hiện chị C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh ngày 15 tháng 4 năm 2024, ông Huỳnh Lý Suôi là trưởng ấp, Ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định trong thời gian chung sống Anh K và chị C chung sống có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân cho đến nay, hiện nay Anh K đang nuôi em Phát. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Anh Lê Tuấn K và Chị Trần Hồng C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Lê Tuấn K đối với Chị Trần Hồng C.

[4] Về con chung: Anh Lê Tuấn K và Chị Trần Hồng C xác định có 02 con chung tên Lê Yến N, sinh ngày 20/10/2001; Lê Tuấn P, sinh năm 29/01/2007. Từ khi Anh K và chị Cly thân đến nay thì em Phát do Anh K chăm sóc và giáo dục, Anh K không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Và em Kiệt cũng có nguyện vọng được sống chung với Anh K. Để ổn định cuộc sống của em Lê Tuấn P, sinh năm 29/01/2007 cho Anh K tiếp tục chăm sóc là phù hợp. Anh Lê Tuấn K không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

Đối với Lê Yến N, sinh ngày 20/10/2001 đã trưởng thành tự lo được cuộc sống của bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Anh Lê Tuấn K yêu cầu ly hôn với Chị Trần Hồng C, nên Anh Lê Tuấn K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 53; 54; Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Anh Lê Tuấn K được ly hôn với Chị Trần Hồng C.

2. Về con chung: Giao em Lê Tuấn P, sinh ngày 29/01/2007 cho Anh K chăm sóc và nuôi dưỡng, Anh K không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Hồng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Anh Lê Tuấn K phải chịu. Anh Lê Tuấn K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0010120 ngày 28/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, Anh Lê Tuấn K và Chị Trần Hồng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Kiều Diễm